

BIỂU 10 CH: DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN THỰC HIỆN TRONG NĂM 2021

STT	HẠNG MỤC	Mã QH	Diện tích QH (ha)	Diện tích hiện trạng	Tăng thêm		Xã, thị trấn	Vị trí, Số tờ, Số thửa	Nguồn vốn	Thực hiện	Ghi chú, Cơ sở pháp lý
					Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất					
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
I	Công trình, dự án mục đích quốc phòng, an ninh										
a	Công trình, dự án được phê duyệt tại Quyết định số 4088/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND tỉnh Bình Dương										
-	Công trình, dự án đăng ký quá 3 năm, đang thực hiện, đăng ký chuyển tiếp										
1	Công trình xây dựng các hạng mục phục vụ sinh hoạt và làm việc cho Doanh trại Ban chỉ huy quân sự huyện Bắc Tân Uyên	CQP	7,00		7,00	CLN	Tân Thành	Thửa 19, tờ 31	NSH	KH2015	-QĐ số 3599/QĐ-UBND ngày 31/12/2015 của UBND tỉnh Bình Dương về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2016 của huyện Bắc Tân Uyên; -QĐ số 3782/QĐ-UBND ngày 30/12/2016 của UBND tỉnh Bình Dương về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2017 của huyện Bắc Tân Uyên.
-	Công trình, dự án đăng ký chuyển tiếp										
2	Dự án bồi thường và giải phóng mặt bằng để xây dựng Khu Cẩn cứ hậu cần - kỹ thuật tại huyện Bắc Tân Uyên	CQP	60,00		60,00	CLN	Lạc An	tờ 37	19,9 tỷ	KH2019	-1992/UBND-KTN ngày 15/5/2018 của UBND tỉnh Bình Dương
3	Xây dựng Đội chữa cháy chuyên nghiệp khu vực Tân Thành (Trụ sở làm việc Phòng Cảnh sát PC&CC huyện Bắc Tân Uyên)	CAN	2,63		2,63	CLN	Tân Thành	1 pt 52 tờ 31	NS	KH2019	-4353/UBND-KTN ngày 14/9/2018 của UBND tỉnh
b	Công trình, dự án đăng ký mới trong năm 2021										
4	Xây dựng mới Ban chỉ huy quân sự xã Thường Tân	CQP	1,07		1,07	LUA	Thường Tân	Thửa đất số 43, 44, 62, 63, 64, 65, 89, 90, 215 tờ bản đồ 29	Vốn NS	KH2021	-VB số 2448/QĐ-UBND ngày 15/9/2020 của UBND huyện Bắc Tân Uyên về phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Xây dựng mới Ban chỉ huy quân sự xã Thường Tân; -VB số 2078/QĐ-UBND ngày 12/8/2020 của UBND huyện BTU về việc giao chỉ tiêu Kế hoạch điều chỉnh Đầu tư công năm 2020
5	Trụ sở Công an xã Bình Mỹ	CAN	0,21		0,21	CLN	Bình Mỹ	1 pt đất số 174 tờ 53 (Tách thành 1 phần thửa 230)	Vốn NS	KH2021	-VB số 4161/UBND-KT ngày 26/8/2020 của UBND tỉnh về việc sử dụng đất để thực hiện công trình Trung tâm Văn hóa, thể thao - Học tập cộng đồng xã Bình Mỹ và Trụ sở công an xã Bình Mỹ; -VB số 349/CV-BQLDADTXD ngày 21/9/2020 của BQLDADTXD V/v thống nhất số liệu vị trí xây dựng khu đất. -VB số 2550/UBND-KTTH ngày 03/9/2020 của UBND huyện Bắc Tân Uyên về việc triển khai thực hiện công trình; -VB số 349/CV-BQLDADTXD ngày 21/9/2020 của BQLDADTXD V/v thống nhất số liệu vị trí xây dựng khu đất.
II.	Công trình, dự án để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng										
II.1	Công trình, dự án do Thủ tướng Chính phủ chấp thuận, quyết định đầu tư mà phải thu hồi đất										
-	Công trình, dự án được phê duyệt tại Quyết định số 4088/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND tỉnh Bình Dương										
a	Công trình, dự án đăng ký quá 3 năm, đang thực hiện, đăng ký chuyển tiếp										
1	Dự án mở rộng KCN Đất Cuốc	SKK	342,00	122,60	219,40	CLN	Đất Cuốc	Tờ 38, 39	vốn DN	KH2016 chuyển tiếp + đăng ký GĐ 2 (205,52 ha)	-QĐ số 3599/QĐ-UBND ngày 31/12/2015 của UBND tỉnh Bình Dương ; -VB số 189/TTg-KTN ngày 13/2/2012; -4285/UBND-KTN ngày 03/12/2015 của UBND tỉnh.

STT	HẠNG MỤC	Mã QH	Diện tích QH (ha)	Diện tích hiện trạng	Tăng thêm		Xã, thị trấn	Vị trí, Số tờ, Số thửa	Nguồn vốn	Thực hiện	Ghi chú, Cơ sở pháp lý
					Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất					
2	Dự án KCN Việt Nam - Singapore III thuộc xã Tân Lập	SKK	804,00		804,00	CLN	Tân Lập	Tờ 17, 18, 19	vốn DN	KH2018	-CV số 2139/TTg-KTN ngày 28/11/2016 của Thủ tướng CP và VB số 4714/UBND-KTTH ngày 08/12/2016 của UBND tỉnh Bình Dương V/v chủ trương đầu tư dự án XD và KD CSHT KCN VSIP III; -VB số 3501/UBND-KTN ngày 14/8/2017 của UBND tỉnh Bình Dương V/v chấp thuận ranh giới quy hoạch KCN VSIP III; -VB số VSIP/BOD/LE/17026 của Công ty LD TNHH KCN Việt Nam Singapore V/v đưa dự án Quy hoạch khu VSIP III vào KHSDD 2018 để thực hiện bồi thường giải tỏa
b	Công trình, dự án đăng ký chuyển tiếp										
3	KCN Tân Lập I	SKK	200,00		200,00	CLN	Tân Lập	Thửa 43, 45, 46, 39, 38, 29 tờ 15; Thửa 85, 74, 86 tờ 16; Thửa 1 tờ 19	vốn DN	KH2020	-QĐ số 3819/QĐ-UBND ngày 28/12/2018 về việc phê duyệt điều chỉnh QHSDD đến năm 2020 huyện Bắc Tân Uyên; -VB số 173/TTg-KTN; -VB số 5294/CSPH-KT ngày 21/7/2020 v/v QHSDD GD 2020-2025 của Công ty CP CS Phước Hòa.
II.2	Công trình, dự án do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh chấp thuận mà phải thu hồi đất										
II.2.1	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã.										
a	Đất giao thông										
a1	Công trình, dự án được phê duyệt tại Quyết định số 4088/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND tỉnh Bình Dương										
-	Công trình, dự án đăng ký quá 3 năm, đang thực hiện, đăng ký chuyển tiếp										
4	Dự án Giải phóng mặt bằng công trình Đường Thủ Biên - Đất Cuốc	DGT	79,60		79,60	CLN; LUA (20,8ha)	Thường Tân, Tân Mỹ	Tờ bản số 28, 27, 19, 9, 10, 34 xã Thường Tân; tờ 52, 61, 12, 51, 40, 8, 9, 10, 4, 62 xã Tân Mỹ	123,34	KH2017 chuyển tiếp	-QĐ số 728a/QĐ-UBND ngày 31/3/2016 của UBND tỉnh Bình Dương; QĐ số 2310/QĐ-UBND ngày 08/9/2019 của UBND tỉnh
5	Đường tạo lực Bắc Tân Uyên - Phú Giáo - Bàu Bàng	DGT	55,14		55,14	CLN	Tân Định, Tân Thành	Đoạn từ Tân Định - Tân Thành	724,97	KH2017 chuyển tiếp	-Tờ trình số 2304/TTr-UBND ngày 05/10/2017 của UBND huyện Bắc Tân Uyên
6	Nâng cấp mở rộng đường ĐT747a đoạn từ dốc Bà Nghĩa đến ngã ba Cổng Xanh (Nút giao đường ĐT742 và ĐT 747a) (dầu tư cải tạo nút giao thông tại giao lộ giữa đường ĐT.747, ĐT 742, đường Tân Bình 39 và Tân Bình 41)	DGT	2,50		2,50	CLN	Tân Bình	tờ bản đồ số 14, 18	509,00	KH2018	-QĐ số 1149/QĐ-UBND ngày 08/05/2017 của UBND tỉnh Bình Dương; công văn số 183/HĐND-KTTS ngày 25/11/2016; -VB số 2231/UBND-KTTH ngày 06/8/2017; -VB 3470/QĐ-UBND ngày 17/11/2016 của UBND tỉnh ; -VB số 2163/QĐ-UBND ngày 26/7/2019 của UBND tỉnh Bình Dương
-	Công trình, dự án đăng ký chuyển tiếp										
7	Đầu tư xây dựng mới đường và cầu Vàm Tư	DGT	6,90		6,90	CLN	Tân Định, Bình Mỹ	tờ 16, 17, 18 xã Bình Mỹ; tờ 40, 48 xã Tân Định	2,75	KH2019	-VB số 5692/UBND-KTTH ngày 13/12/2017; -QĐ số 2310/QĐ-UBND ngày 09/8/2019 của UBND tỉnh BD.
8	Xây dựng công hộp Suối Đá	DGT	1,45		1,45	CLN	Tân Định - Bình Mỹ	tờ 17 xã Bình Mỹ; tờ 48 xã Tân Định	3,51	KH2019	-VB số 2212/UBND-KTTH ngày 26/9/2016 của UBND huyện BTU; -QĐ số 2691/QĐ-UBND ngày 31/10/2019 của UBND huyện BTU
9	Xây dựng công hộp Suối Đĩa	DGT	0,23		0,23	CLN	Tân Định - Tân Lập	tờ 27 xã Tân Định; tờ số 2 xã Tân Lập	1,97	KH2019	-VB số 2211/UBND-KTTH ngày 26/9/2016 của UBND huyện BTU; -QĐ số 2565/QĐ-UBND ngày 17/10/2016

STT	HẠNG MỤC	Mã QH	Diện tích QH (ha)	Diện tích hiện trạng	Tăng thêm		Xã, thị trấn	Vị trí, Số tờ, Số thửa	Nguồn vốn	Thực hiện	Ghi chú, Cơ sở pháp lý
					Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất					
10	Nâng cấp bê tông nhựa đường Tân Mỹ 03	DGT	0,95		0,95	CLN	Tân Mỹ	Điểm đầu giáp đường DT746 - Điểm cuối tại Km1+275	8,97	KH2019	-Nghị quyết số 26/NQ-HĐND ngày 31/7/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh; -VB số 1545/QĐ-UBND ngày 21/6/2018 của UBND huyện BTU
11	Đường Tân Thành 39, 40	DGT	0,15		0,15	CLN	Tân Thành	1pt 42, 21, 11, 12, 3 tờ bản đồ 24	1,23	KH2020	-1157/UBND-KTTH ngày 22/5/2018 của UBND huyện BTU; -QĐ số 3504/QĐ-UBND ngày 13/12/2018 của UBND huyện BTU;
12	Đường Đất Cuốc - Tân Mỹ	DGT	1,70		1,70	CLN	Đất Cuốc, Tân Mỹ	Điểm đầu giáp đường Thủ Biên Đất Cuốc- Điểm cuối tại đường Đất Cuốc 09	7,75	KH2020	-VB số 2677/UBND-KTTH ngày 16/10/2018 của UBND huyện Bắc Tân Uyên; -QĐ số 3544/QĐ-UBND ngày 17/12/2018 của UBND huyện BTU
13	Nâng cấp BTN tuyến đường giao thông từ giáp đường Tân Thành 62 đến đường Tân Thành 01	DGT	0,74		0,74	CLN	Tân Thành	Điểm đầu giáp DT 746 - Điểm cuối giáp đường Tân Thành 01	6,60	KH2020	-QĐ số 2780/QĐ-UBND ngày 11/9/2019 của UBND huyện Bắc Tân Uyên
14	Nâng cấp đường ĐT 746 đoạn từ Cầu Gỗ đến Hiếu Liêm	DGT	39,84		39,84	CLN	Tân Mỹ, Thường Tân, Lạc An, Hiếu Liêm	Đoạn từ Tân Mỹ đến Hiếu Liêm	3,00	KH2020	-Quyết định số 2310/QĐ-UBND ngày 09/8/2019 của UBND tỉnh Bình Dương
15	Nâng cấp mở rộng đường ĐT 746 đoạn từ ngã 3 Tân Thành đến ngã 3 Hội Nghĩa	DGT	29,91		29,91	CLN	Tân Thành, Tân Lập	Đoạn từ Tân Thành - Tân Lập	2,52	KH2020	-Quyết định số 2310/QĐ-UBND ngày 09/8/2019 của UBND tỉnh Bình Dương
a2	Công trình, dự án được phê duyệt tại Nghị quyết số 18/NQ-HĐND ngày 20/7/2020 của HĐND tỉnh (được bổ sung giữa năm 2020) - đăng ký chuyển tiếp										
16	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường ĐH.436	DGT	0,95		0,95	CLN	Đất Cuốc	Đầu tuyến: từ ngã ba Cây Trắc giao với đường ĐH.411 Cuối tuyến: Giao với đường ĐH.415 đi vào Khu tường niệm chiến khu D	Vốn NS	KH2020	-Quyết định số 4354/QĐ- UBND ngày 19/12/2019 của UBND huyện Bắc Tân Uyên phê duyệt chủ trương đầu tư các dự án đầu tư công
17	Nâng cấp BTN đường Hiếu Liêm 13 (giai đoạn 1)	DGT	0,20		0,20	CLN	Hiếu Liêm	Đầu tuyến: giáp đường ĐT.746 Cuối tuyến: lý trình km1+00	Vốn NS	KH2020	-Quyết định số 4354/QĐ- UBND ngày 19/12/2019 của UBND huyện Bắc Tân Uyên phê duyệt chủ trương đầu tư các dự án đầu tư công
18	Nâng cấp BTN đường Tân Thành 28	DGT	0,48		0,48	CLN	Tân Thành	Đầu tuyến: giáp đường ĐH.411 Cuối tuyến: tiếp giáp Công trình Trường THPT Lê Lợi (Km0+363)	Vốn NS	KH2020	-Quyết định số 4354/QĐ- UBND ngày 19/12/2019 của UBND huyện Bắc Tân Uyên phê duyệt chủ trương đầu tư các dự án đầu tư công
19	Nâng cấp BTXM đường Thường Tân 21, Thường Tân 24	DGT	0,55		0,55	CLN	Thường Tân	- Thường Tân 21: Đầu tuyến giáp đường Thường Tân 18, cuối tuyến Hẻm cụt (Km0+618) - Thường Tân 24: Đầu tuyến giáp Thường Tân 25, cuối tuyến giáp Nghĩa trang ấp 5 (Km0+408)	Vốn NS	KH2020	-Quyết định số 4354/QĐ- UBND ngày 19/12/2019 của UBND huyện Bắc Tân Uyên phê duyệt chủ trương đầu tư các dự án đầu tư công
20	Nâng cấp BTXM đường Lạc An 30	DGT	0,60		0,60	CLN	Lạc An	Đầu tuyến giáp Lạc An 24 (sát bên giáo xứ Hoàng Châu) Cuối tuyến: giáp cầu Ông Tự ra đường Thường Tân 02 (Km0+992)	6,0	KH2020	-Quyết định số 4354/QĐ- UBND ngày 19/12/2019 của UBND huyện Bắc Tân Uyên phê duyệt chủ trương đầu tư các dự án đầu tư công
21	Nâng cấp BTXM đường Tân Bình 39, 56	DGT	0,20		0,20	CLN	Tân Bình	- Tân Bình 39: đầu tuyến giáp đường ĐT.741, cuối tuyến Km0+480 - Tân Bình 56: đầu tuyến giáp đầu đường ĐT.741, cuối tuyến Km0+496	5,5	KH2020	-Quyết định số 4354/QĐ- UBND ngày 19/12/2019 của UBND huyện Bắc Tân Uyên phê duyệt chủ trương đầu tư các dự án đầu tư công
22	Nâng cấp BTXM đường Đất Cuốc 02, Đất Cuốc 08	DGT	0,18		0,18	CLN	Đất Cuốc	Đất Cuốc 02: đầu tuyến giáp đường ĐH411, cuối tuyến giáp Đất Cuốc 04 Đất Cuốc 08: đầu tuyến giáp Đất Cuốc 07, cuối tuyến Km 0+157	6,5	KH2020	-Quyết định số 4354/QĐ- UBND ngày 19/12/2019 của UBND huyện Bắc Tân Uyên phê duyệt chủ trương đầu tư các dự án đầu tư công
23	Nâng cấp BTN đường Tân Định 02 (giai đoạn 1)	DGT	0,25		0,25	CLN	Tân Định	Đầu tuyến: Ngã 3 giáp đường Tân Định 03. Cuối tuyến giáp ngã 4 (cổng A) (Km0+847)	6,0	KH2020	-Quyết định số 4354/QĐ- UBND ngày 19/12/2019 của UBND huyện Bắc Tân Uyên phê duyệt chủ trương đầu tư các dự án đầu tư công
24	Nâng cấp BTN đường Tân Thành 23 nối dài (đoạn cuối đường Tân Thành 23 đến giáp đường Tân Thành 13)	DGT	0,30		0,30	CLN	Tân Thành	Đầu tuyến: cuối đường Tân Thành 23. Cuối tuyến: giáp đường Tân Thành 13 (Km0+Km1+10)	4,8	KH2020	-Quyết định số 4354/QĐ- UBND ngày 19/12/2019 của UBND huyện Bắc Tân Uyên phê duyệt chủ trương đầu tư các dự án đầu tư công
a3	Công trình, dự án đăng ký mới trong năm 2021										

STT	HẠNG MỤC	Mã QH	Diện tích QH (ha)	Diện tích hiện trạng	Tăng thêm		Xã, thị trấn	Vị trí, Số tờ, Số thửa	Nguồn vốn	Thực hiện	Ghi chú, Cơ sở pháp lý
					Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất					
25	Xây dựng mới đường DH.429	DGT	20,05		20,05	CLN	Bình Mỹ, Tân Lập, Tân Thành	Đầu tuyến: giao với đường ĐT.747a (đường Bình Mỹ 56); Cuối tuyến: giao với đường ĐT.746 (Đường Tân Thành 58)	465,4	KH2021	-1664/QĐ-UBND ngày 25/6/2020 của UBND tỉnh Bình Dương
26	Nâng cấp BTXM đường Bình Mỹ 10, 27, 33	DGT	0,05		0,05	CLN	Bình Mỹ	Bình Mỹ 10: đầu tuyến giáp đường ĐT747, Cuối tuyến giáp đường Bình Mỹ 6.1; Bình Mỹ 27: đầu tuyến giáp đường ĐT747, Cuối tuyến giáp đường Bình Mỹ 29; Bình Mỹ 33: đầu tuyến giáp đường ĐT747, Cuối tuyến lý trình Km0 + 259	7,2	KH2021	-Quyết định số 2970/QĐ-UBND ngày 20/9/2019 về quyết định chủ trương đầu tư
27	Nâng cấp BTXM đường Thường Tân 29 (giai đoạn 1), Thường Tân 32	DGT	0,60		0,60	CLN	Thường Tân	Đầu tuyến: Thường Tân 29 (gd1): giáp đường Thường Tân 25. Thường Tân 32: giáp đường Thường Tân 08 Cuối tuyến: Thường Tân 29 (gd1): giáp đường Thường Tân 28 Thường Tân 32: đường cắt, giáp ruộng	6,5	KH2021	-Quyết định số 2078/QĐ-UBND ngày 12/8/2020 của UBND huyện Bắc Tân Uyên về việc giao chỉ tiêu kế hoạch điều chỉnh Đầu tư công năm 2020
28	Nâng cấp BTXM đường Tân Mỹ 01	DGT	0,60		0,60	CLN	Tân Mỹ	Đầu tuyến: Giáp đường ĐT.746 (bên hông trường THCS Tân Mỹ) Cuối tuyến: Ngã 3 tại Km1+300 (công ty gạch Lam Nhì)	9,0	KH2021	-Quyết định số 2078/QĐ-UBND ngày 12/8/2020 của UBND huyện Bắc Tân Uyên về việc giao chỉ tiêu kế hoạch điều chỉnh Đầu tư công năm 2020
29	Nâng cấp BTXM đường Tân Định 52 – nhánh 1	DGT	1,13		1,13	CLN	Tân Định	Đầu tuyến: giáp đường Tân Định 52. Cuối tuyến: giáp đường Tân Định 27	6,0	KH2021	-Quyết định số 2078/QĐ-UBND ngày 12/8/2020 của UBND huyện Bắc Tân Uyên về việc giao chỉ tiêu kế hoạch điều chỉnh Đầu tư công năm 2020
30	Nâng cấp BTXM đường Tân Lập 08, Tân Lập 17, Tân Lập 38 và Tân Lập 15 (giai đoạn 2)	DGT	0,50		0,50	CLN	Tân Lập	* Tân Lập 08, Tân Lập 15 (giai đoạn 2), Tân Lập 17: + Đầu tuyến: giáp đường ĐT 746 + Cuối tuyến: giáp đường đất Cao su Phước Hòa. * Tân Lập 38: + Đầu tuyến: giáp đường ĐT746 + Cuối tuyến: lý trình Km0 + 282	5,0	KH2021	-Quyết định số 2078/QĐ-UBND ngày 12/8/2020 của UBND huyện Bắc Tân Uyên về việc giao chỉ tiêu kế hoạch điều chỉnh Đầu tư công năm 2020
31	Nâng cấp BTXM đường Bình Mỹ 21, Bình Mỹ 38 – nhánh 3, Bình Mỹ 46:	DGT	0,60		0,57	CLN	Bình Mỹ	* Bình Mỹ 21: + Đầu tuyến: giáp đường ĐT 747 + Cuối tuyến: lý trình Km0 + 300 * Bình Mỹ 38 – nhánh 3: + Đầu tuyến: giáp đường Bình Mỹ 38 + Cuối tuyến: lý trình Km0 + 550	5,0	KH2021	-Quyết định số 2078/QĐ-UBND ngày 12/8/2020 của UBND huyện Bắc Tân Uyên về việc giao chỉ tiêu kế hoạch điều chỉnh Đầu tư công năm 2020
32	Nâng cấp BTXM đường Tân Bình 23, Tân Bình 44	DGT	0,40		0,40	CLN	Tân Bình	- Tân Bình 23: Điểm đầu đường ĐT.741, điểm cuối Tân Bình 05 - Tân Bình 44: Điểm đầu đường ĐT.741, điểm cuối Tân Bình 48	7,5	KH2021	-Quyết định số 2078/QĐ-UBND ngày 12/8/2020 của UBND huyện Bắc Tân Uyên về việc giao chỉ tiêu kế hoạch điều chỉnh Đầu tư công năm 2020
33	Nâng cấp sồi dô đường Tân Định 64	DGT	0,54		0,54	CLN	Tân Định	Tờ bản đồ 41, 42	Vốn NS	KH2021	-VB số 2283/UBND-KTTH ngày 13/8/2020 của UBND huyện Bắc Tân Uyên về phê duyệt chủ trương dự án nâng cấp sồi dô đường Tân Định 64
b	Đất công trình năng lượng										
b1	Công trình, dự án được phê duyệt tại Quyết định số 4088/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND tỉnh Bình Dương										
-	Công trình, dự án đăng ký quá 3 năm, đang thực hiện, đăng ký chuyển tiếp										
34	Công trình Đường dây 110kV Phú Giáo – TBA 220kV Uyên Hưng	DNL	0,15		0,15	CLN	Bình Mỹ (0,11), Tân Lập (0,04)	Bình Mỹ, Tân Lập	Vốn DN	KH2018	-CV 4677/PCBD-KHVT ngày 06/11/2017 của Công ty Điện lực Bình Dương V/v Đăng ký KHSDĐ năm 2018 cho các công trình lưới điện 110kV trên địa bàn tỉnh Bình Dương; -QĐ 1924/QĐ-UBND ngày 27/7/2018 của UBND huyện BTU

STT	HẠNG MỤC	Mã QH	Diện tích QH (ha)	Diện tích hiện trạng	Tăng thêm		Xã, thị trấn	Vị trí, Số tờ, Số thửa	Nguồn vốn	Thực hiện	Ghi chú, Cơ sở pháp lý
					Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất					
-	Công trình, dự án đăng ký chuyển tiếp										
35	Bồi thường, hỗ trợ di dời các hộ dân thuộc khu vực có nguy cơ sạt lở ven sông Đồng Nai	DTL	1,47		1,47	CLN	Lạc An, Tân Mỹ	Đoạn sông qua xã Tân Mỹ, Lạc An	67,8	KH2019	-Nghị quyết số 26/NQ-HĐND ngày 31/7/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh; -QĐ số 3190/QĐ-UBND ngày 30/10/2019 của UBND tỉnh.
b2	Công trình, dự án được phê duyệt tại Nghị quyết số 18/NQ-HĐND ngày 20/7/2020 của HĐND tỉnh (được bổ sung giữa năm 2020) -đăng ký chuyển tiếp										
36	Trạm biến áp 110kV Thường Tân và đường dây 110kV Uyên Hưng - Thường Tân	DNL	0,30		0,30	CLN	Tân Mỹ	thửa đất số 278 đến thửa 288 tờ bản đồ số 4; thửa đất số 256, 257, 258 tờ bản đồ số 5; thửa đất số 656 đến thửa 665 tờ bản đồ số 09	Vốn DN	KH2020	-VB số 1033/PCBD- KHVT ngày 24/3/2020 của Công ty điện lực Bình Dương về việc đăng ký chuyển tiếp kế hoạch sử dụng đất công trình lưới điện 110kv trên địa bàn huyện Bắc Tân Uyên
37	Trạm biến áp 110kV VSIP2-MR2 và đường dây đấu nối	DNL	0,30		0,30	CLN	Bình Mỹ	thửa đất số 4 tờ 45; thửa 112, 131, 202 tờ bản đồ số 46; thửa 37 tờ 55; thửa 8, 82, 83, 93 tờ 54; thửa 156, 155, 162 tờ 53; thửa 116, 76, 90, 58, 56, 61, 66 tờ 52; thửa 17 tờ 51; thửa 11 tờ 75; thửa 33, 34, 35 tờ 74	Vốn DN	KH2020	-VB số 1033/PCBD- KHVT ngày 24/3/2020 của Công ty điện lực Bình Dương về việc đăng ký chuyển tiếp kế hoạch sử dụng đất công trình lưới điện 110kv trên địa bàn huyện Bắc Tân Uyên
38	TBA 110kV Cống Xanh và đường dây đấu nối	DNL	0,40		0,40	CLN	Tân Bình	KCN Tân Bình (thửa 130, 131, 132, 1pt 59, 70 tờ bản đồ số 39)	Vốn DN	KH2020	-VB số 1033/PCBD- KHVT ngày 24/3/2020 của Công ty điện lực Bình Dương về việc đăng ký chuyển tiếp kế hoạch sử dụng đất công trình lưới điện 110kv trên địa bàn huyện Bắc Tân Uyên
39	Phân pha dây dẫn đường dây 110kV Trị An - Phú Giáo	DNL	0,20		0,20	CLN	Hiếu Liêm, Tân Định, Bình Mỹ	Công trình dạng tuyến	Vốn DN	KH2020	-QĐ số 3587/QĐ-EVN SPC ngày 29/10/2018 về phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công- dự toán công trình; -VB số 3958/UBND-KT ngày 17/8/2020 của UBND tỉnh Bình Dương về việc thỏa thuận phương án cải tạo, nâng cấp công trình Phân pha dây dẫn đường dây 110kV Trị An - Phú Giáo, đoạn đi qua địa bàn tỉnh Bình Dương
b3	Công trình, dự án đăng ký mới trong năm 2021										
40	TBA 110kV Tân Thành và đường dây 110kV Đất Cuốc - Tân Thành	DNL	0,86		0,86	CLN	Đất Cuốc, Tân Thành		Vốn NS	KH2021	-VB 4232/PCBD-QLDA ngày 28/8/2020 của Công ty Điện lực Ninh Dương; -QĐ số 326/QĐ-BCT ngày 03/02/2017 của BCT về việc phê duyệt quy hoạch phát triển điện lực tỉnh Bình Dương giai đoạn 2016-2025, xét đến năm 2035
41	Đường dây 110kV VSIP II MR1- VSIP II MR2	DNL	0,54		0,54	CLN	Tân Bình		Vốn NS	KH2021	-VB 4232/PCBD-QLDA ngày 28/8/2020 của Công ty Điện lực Ninh Dương; Quyết định số 326/QĐ-BCT ngày 03/02/2017 của BCT về việc phê duyệt quy hoạch phát triển điện lực tỉnh Bình Dương giai đoạn 2016-2025, xét đến năm 2035
42	Lộ ra 110kV trạm 220kV Tân Định 2	DNL	0,28		0,28	CLN	Tân Bình		Vốn NS	KH2021	-Quyết định số 326/QĐ-BCT ngày 03/02/2017 của BCT về việc phê duyệt quy hoạch phát triển điện lực tỉnh Bình Dương giai đoạn 2016-2025, xét đến năm 2035
c	Đất thủy lợi (Công trình, dự án đăng ký mới trong năm 2021)										
43	Trạm cấp nước huyện Bắc Tân Uyên	DTL	2,05		2,05	CLN	Tân Thành	Thửa đất số 04, tờ bản đồ số 30	Vốn DN	KH2021	Văn bản số 850/CPN.MT-KH ngày 29/7/2020
d	Đất cơ sở văn hóa (Công trình, dự án được phê duyệt tại Quyết định số 4088/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND tỉnh Bình Dương)										

STT	HẠNG MỤC	Mã QH	Diện tích QH (ha)	Diện tích hiện trạng	Tăng thêm		Xã, thị trấn	Vị trí, Số tờ, Số thửa	Nguồn vốn	Thực hiện	Ghi chú, Cơ sở pháp lý
					Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất					
44	Trung Tâm VH TT - Học tập cộng đồng xã Bình Mỹ	DVH	2,15		2,15	CLN	Bình Mỹ	1pt174 tờ 53 (Tách thành thửa 230, 231)	14	KH2020	-QĐ số 2780/QĐ-UBND ngày 11/9/2019 của UBND huyện Bắc Tân Uyên về việc phê duyệt chủ trương đầu tư các dự án đầu tư công; -QĐ số 1545/QĐ-UBND ngày 21/6/2018 của Ủy ban nhân dân huyện Bắc Tân Uyên; -VB số 4161/UBND-KT ngày 26/8/2020 của UBND tỉnh Bình Dương về việc sử dụng đất để thực hiện công trình TTVH, TT - Học tập cộng đồng xã Bình Mỹ và Trụ sở Công an xã Bình Mỹ; -VB số 2550/UBND-KTTH ngày 03/9/2020 của UBND huyện Bắc Tân Uyên về việc triển khai thực hiện công trình; -VB số 349/CV-BQLDAĐTXD ngày 21/9/2020 của BQLDAĐTXD V/v thống nhất số liệu vị trí xây dựng khu đất.
e	Đất cơ sở y tế (Công trình, dự án được phê duyệt tại Quyết định số 4088/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND tỉnh Bình Dương)										
45	Mở rộng Trung tâm y tế huyện	DYT	0,70		0,70	CLN	Tân Thành	1 phần thửa 15 tờ 32	236,299	KH2019	Biên bản thỏa thuận Công ty CS Phước Hòa
f	Đất giáo dục - đào tạo										
f1	Công trình, dự án được phê duyệt tại Quyết định số 4088/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND tỉnh Bình Dương										
46	Bồi thường, hỗ trợ xây dựng Trường THCS Bình Mỹ	DGD	2,70		2,70	CLN	Bình Mỹ	1 phần thửa đất số 177 tờ bản đồ số 52	1,89	KH2019	-Nghị quyết số 26/NQ-HĐND ngày 31/7/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh; QĐ số 3613/QĐ-UBND ngày 21/12/2018 của UBND huyện BTU
f2	Công trình, dự án đăng ký mới trong năm 2021										
47	Trường Tiểu học Tân Lập	DGD	2,00		2,00	CLN	Tân Lập	1 pt 88 tờ bản đồ 16	120,0	KH2021	-Tờ trình số 2222/TTr-UBND ngày 06/8/2020 của UBND huyện Bắc Tân Uyên về Thẩm định Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án; -Dự kiến bố trí vốn vào 06 tháng cuối năm 2020; -Biên bản ngày 09/9/2020 v/v thống nhất vị trí đối với các khu đất xây dựng trường tiểu học Tân Lập để làm cơ sở lập thủ tục thu hồi đất
48	Trường THPT Tân Bình	DGD	1,96		1,96	CLN	Tân Bình	1 pt 14, 15 tờ bản đồ số 42	98,0	KH2021	Nghị quyết số 07/NQ-HĐND ngày 03/4/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Dương
g	Đất chợ - công trình, dự án phê duyệt tại Nghị quyết số 18/NQ-HĐND ngày 20/7/2020 của HĐND tỉnh (được bổ sung giữa năm 2020) - đăng ký chuyển tiếp										
49	Xây dựng chợ Tân Định	DCH	0,60		0,60	CLN	Tân Định	thửa 453, tờ bản đồ 19	Vốn NS	KH2020	Quyết định số 4354/QĐ-UBND ngày 19/12/2019 của UBND huyện Bắc Tân Uyên phê duyệt chủ trương đầu tư các dự án đầu tư công
II.2.2	Đất sản xuất VLXD, làm đồ gốm										
-	Công trình, dự án được phê duyệt tại Nghị quyết số 18/NQ-HĐND ngày 20/7/2020 của HĐND tỉnh (được bổ sung giữa năm 2020) - đăng ký chuyển tiếp										
50	Mở rộng khu chế biến mô đá Thường Tân - Công ty cổ phần Đá Hoa Tân An	SKX	2,00		2,00	LUA	Thường Tân	Thửa đất số: 591, 587, 586, 588, 589, 590, 870, 23, 22, 55, 54, tờ bản đồ số 31, 25; Thửa đất số: 52, 49, 48, 135, 131, 134, 406, 282, 281, 280, 431, 279, 278, 916 tờ bản đồ số 31	Vốn DN	KH2020	Công văn số 302/UBND-KTN ngày 25/01/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc mở rộng khu chế biến mô đá Thường Tân của Công ty Cổ phần Đá Hoa Tân An
II.2.3	Đất sinh hoạt cộng đồng										
-	Danh mục dự án công trình đăng ký mới trong năm 2021										
51	Văn phòng ấp Vườn Ươm	DSH	0,3		0,3	CLN	Tân Định	1 phần thửa 406 tờ 38	Vốn NS	KH2021	-Biên bản khảo sát, thống nhất vị trí với các khu đất xây dựng văn phòng ấp 2, ấp Bàng Lăng, ấp Thiềng Liềng, ấp Vườn Ươm tại xã Tân Định để làm cơ sở lập thủ tục thu hồi đất triển khai thực hiện dự án theo quy định; -VB số 2976/UBND-KTTH ngày 05/10/2020 của UBND huyện Bắc Tân Uyên về việc chấp thuận chủ trương xây dựng Văn phòng ấp Vườn Ươm, xã Tân Định.

STT	HẠNG MỤC	Mã QH	Diện tích QH (ha)	Diện tích hiện trạng	Tăng thêm		Xã, thị trấn	Vị trí, Số tờ, Số thửa	Nguồn vốn	Thực hiện	Ghi chú, Cơ sở pháp lý
					Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất					
52	Văn phòng ấp 1	DSH	0,75		0,75	CLN	Lạc An	Thửa đất số 824, 790, 791, tờ bản đồ số 33	Vốn NS	KH2021	VB số 150/UBND-ĐC ngày 29/6/2020
III	Khu vực cần chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện việc nhận chuyển nhượng, thuê quyền sử dụng đất, nhận góp vốn bằng quyền sử dụng đất										
III.1	Danh mục công trình, dự án của các tổ chức										
a	Các công trình, dự án đăng ký trong KH2019										
1	Khu nhà ở Thái Bình	ONT	2,03		2,03	CLN	Tân Bình	thửa 188, 189, 196, 392 tờ 19	Vốn DN	KH2019	vb 5884/UBND-KTN ngày 05/12/2018 của UBND tỉnh
2	Công ty TNHH tiếp vận Hồng Đức	SKX	3,50		3,50	CLN	Thường Tân	thửa đất số 533, 535, 534, 581, 582, 611 tờ bản đồ số 26	Vốn DN	KH2019	3021/QĐ-UBND ngày 26/10/2018 của UBND tỉnh
3	Công ty CP gạch ngói không nung Tân Uyên	SKC	2,70		2,70	CLN	Thường Tân	Thửa 363, 364, 299 tờ bản đồ số 27	Vốn DN	KH2019	3192/QĐ-UBND ngày 13/11/2018 của UBND tỉnh Bình Dương
4	Cửa hàng xăng dầu của Công ty CP Miền Đông	TMD	0,15		0,15	CLN	Tân Mỹ	thửa 110, 02 tờ 63	Vốn DN	KH2019	2513/QĐ-UBND ngày 28/9/2018 của UBND huyện Bắc Tân Uyên
b	Các công trình, dự án đăng ký bổ sung trong KH2019 từ các QĐ 1997/QĐ-UBND ngày 10/7/2019 và QĐ 2749/QĐ-UBND ngày 24/9/2019 của UBND tỉnh Bình Dương chuyển tiếp										
5	Chợ và Khu nhà ở thương mại Tân Thành do Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Hạ tầng Tân Thành làm chủ đầu tư	ODT	7,96		7,96	CLN	Tân Thành	Tờ bản đồ số 7, 8	Vốn DN	KH2019	Đơn đăng ký doanh nghiệp; VB số 4904/UBND-KTN ngày 27/9/2019 của UBND tỉnh Bình Dương
6	mô đá xây dựng Tân Mỹ của do Công ty cổ phần khoáng sản xây dựng Bình Dương làm chủ đầu tư	SKX	57,39	41,94	15,45	CLN	Tân Mỹ	Tờ bản đồ số 58, 64, 65	Vốn DN	KH2019	Giấy phép số 134/GP-UBND ngày 28/8/2015 của UBND tỉnh
7	Khu vực khai thác đá và kê chống sạt lở của Công ty Cổ phần Khoáng sản Xây dựng Tân Uyên Fico	SKX	2,05		2,05	CLN	Thường Tân	Tờ bản đồ số 18	Vốn DN	KH2019	- Giấy phép số 144/GP-UBND ngày 30/10/2007 của UBND tỉnh; - Công văn số 3844/UBND-KTN ngày 02/11/2015 của UBND tỉnh
8	Công ty TNHH Biển Đông	SKC	3,60		3,60	CLN	Bình Mỹ	ấp Bình Cơ	Vốn DN	KH2019	Công văn số 408/UBND-KTTH ngày 25/01/2019 của UBND tỉnh
c	Các CT, dự án ĐK trong KH2020										
9	Khu khai thác sét gạch ngói Tân Bình 1 (Công ty TNHH Hoàng Gia Trung)	SKS	13,18		13,18	CLN	Tân Bình	Tờ bản đồ số 4	Vốn DN	KH2020	Giấy phép khai thác khoáng sản số 35/GP-UBND ngày 01/4/2019 của UBND tỉnh Bình Dương
10	Nhà máy sản xuất các sản phẩm bằng nhôm (Công ty TNHH Nhôm Tiến Đạt)	SKC	2,83		2,83	CLN	Đất Cuốc	tờ 5	Vốn DN	KH2020	Quyết định số 2828/QĐ-UBND ngày 30/9/2019 của UBND huyện Bắc Tân Uyên
d	Công trình, dự án được phê duyệt tại Quyết định số /QĐ-UBND ngày của UBND tỉnh (được bổ sung giữa năm 2020)										
1	Khu sản xuất và trạm trộn Tân Định của Công ty CP xây dựng hạ tầng Đại Phong	SKC	4,95		4,95	CLN	Tân Định	96, 97, 98, 99, 100, 101, 102, 103, 104, 105 tờ bản đồ số 40	Vốn DN	KH2020	Quyết định số 1269/QĐ-UBND ngày 15/5/2020 của UBND tỉnh Bình Dương về quyết định chủ trương đầu tư khu sản xuất và trạm trộn bê tông Tân Định
2	Khu chế biến, bãi thải phục vụ khai thác đá xây dựng Thường Tân III của Công ty CP xây dựng Bình Dương	SKX	8,10		8,10	CLN	Thường Tân	146 đến 153, 165 đến 177, 191, 192; 450, 484, 461 đến 466, 632, 121, 120, 455 tờ bản đồ số 30	Vốn DN	KH2020	Văn bản số 2293/UBND-KT ngày 15/5/2020 của UBND tỉnh Bình Dương về việc thuê đất làm bãi chế biến, bãi thải phục vụ khu khai thác đá xây dựng Thường Tân III của Công ty CP xây dựng Bình Dương
3	Chợ Tân Lập của HTX cao su Nhật Hưng	DCH	0,26		0,26	CLN	Tân Lập	102, 103, 459	Vốn DN	KH2020	Văn bản số 2245/UBND-KT ngày 13/5/2020 của UBND tỉnh Bình Dương chấp thuận đầu tư chợ của HTX Nhật Hưng
4	Khu khai thác đá của Công ty TNHH sản xuất thương mại dịch vụ Hồng Đạt	SKX	16,00		16,00	CLN	Thường Tân		Vốn DN	KH2020	Công văn số 2801/UBND-KT ngày 15/6/2020 của UBND tỉnh về địa điểm thực hiện dự án của Công ty TNHH kỹ nghệ Kim Loại
5	Địa điểm thực hiện dự án gia công cơ khí, gia công giường tủ, bàn ghế của Công ty TNHH kỹ nghệ Kim Loại	SKC	5,03		5,03	CLN	Tân Mỹ		Vốn DN	KH2020	GPKS số 42/GP-UBND ngày 29/4/2020 của UBND tỉnh cấp cho Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Hồng Đạt
6	Khu khai thác sét gạch ngói của Công ty TNHH Minh Đạo	SKX	8,15		8,15	CLN	Tân Bình	Tờ bản đồ số 4, số 5	Vốn DN	KH2020	GPKS số 47/GP-UBND ngày 13/5/2020 của UBND tỉnh cấp cho Công ty TNHH Minh Đạo
7	Khu khai thác đá của Công ty CP đá Hoa Tân An	SKX	0,03		0,03	CLN	Thường Tân	Thửa 976 tờ bản đồ số 25	Vốn DN	KH2020	GP khai thác đá xây dựng số 77/GP-UBND ngày 6/9/2019 của UBND tỉnh cấp cho Công ty CP đá Hoa Tân An

STT	HẠNG MỤC	Mã QH	Diện tích QH (ha)	Diện tích hiện trạng	Tăng thêm		Xã, thị trấn	Vị trí, Số tờ, Số thửa	Nguồn vốn	Thực hiện	Ghi chú, Cơ sở pháp lý
					Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất					
8	Dự án Khu nhà ở Quang Phúc 3 do Công ty TNHH phát triển nhà Quang Phúc làm chủ đầu tư	ONT	13,70		13,70	CLN	Bình Mỹ	Tờ bản đồ số 39, 42, 43	Vốn DN	KH2020	Công văn số 3691/UBND-KT ngày 17/8/2020 của UBND tỉnh về chấp thuận cho đăng ký đầu tư
e	Công trình, dự án đăng ký mới trong năm 2021										
1	Khu nhà ở Tân Thành	ODT	1,62		1,62	CLN	Tân Thành	thửa số 689, 690, 691, 692, 687, 688, 693, 694, 695 tờ bản đồ số 07	Vốn DN	KH2021	VB số 4451/UBND-KT ngày 11/9/2020 của UBND tỉnh Bình Dương V/v chấp thuận cho đăng ký đầu tư dự án Khu nhà ở Tân Thành
2	Khu nhà ở Tân Mỹ - xã Đất Cuốc	ONT	5,86		5,86	CLN	Đất Cuốc	thửa 5, 6, 8, 156 tờ 5	Vốn DN	KH2021	VB số 1835/SXD-QLN ngày 20/5/2020 của Sở Xây dựng về việc thông báo việc đăng ký đầu tư dự án Khu nhà ở Tân Mỹ
III.2	Chuyển mục đích của hộ gia đình, cá nhân		376,72		376,72		Toàn huyện			KH2021	
a	Đất trồng cây lâu năm chuyển sang đất ở		31,35		31,35		Toàn huyện			KH2021	
	Đất CLN chuyển ONT	ONT	5,00		5,00	CLN	Bình Mỹ				
	Đất CLN chuyển ONT	ONT	3,00		3,00	CLN	Đất Cuốc				
	Đất CLN chuyển ONT	ONT	1,00		1,00	CLN	Hiếu Liêm				
	Đất CLN chuyển ONT	ONT	1,00		1,00	CLN	Lạc An				
	Đất CLN chuyển ONT	ONT	7,00		7,00	CLN	Tân Bình				
	Đất CLN chuyển ONT	ONT	2,00		2,00	CLN	Tân Định				
	Đất CLN chuyển ONT	ONT	4,35		4,35	CLN	Tân Lập				
	Đất CLN chuyển ONT	ONT	1,50		1,50	CLN	Tân Mỹ				
	Đất CLN chuyển ODT	ODT	5,00		5,00	CLN	Tân Thành				
	Đất CLN chuyển ONT	ONT	1,50		1,50	CLN	Thường Tân				
b	Đất trồng cây lâu năm chuyển sang đất nông nghiệp khác		10,00		10,00		Toàn huyện			KH2021	
	Đất CLN chuyển NKH	NKH	1,00		1,00	CLN	Tân Thành				
	Đất CLN chuyển NKH	NKH	1,00		1,00	CLN	Tân Lập				
	Đất CLN chuyển NKH	NKH	1,00		1,00	CLN	Tân Bình				
	Đất CLN chuyển NKH	NKH	1,00		1,00	CLN	Thường Tân				
	Đất CLN chuyển NKH	NKH	1,00		1,00	CLN	Tân Mỹ				
	Đất CLN chuyển NKH	NKH	1,00		1,00	CLN	Tân Định				
	Đất CLN chuyển NKH	NKH	1,00		1,00	CLN	Hiếu Liêm				
	Đất CLN chuyển NKH	NKH	1,00		1,00	CLN	Lạc An				
	Đất CLN chuyển NKH	NKH	1,00		1,00	CLN	Đất Cuốc				
	Đất CLN chuyển NKH	NKH	1,00		1,00	CLN	Bình Mỹ				
c	Nhu cầu chuyển sang đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp		102,98		102,98		Toàn huyện			KH2021	
	Nhu cầu chuyển sang đất SKC	SKC	25,98		25,98	CLN	Bình Mỹ				
	Nhu cầu chuyển sang đất SKC	SKC	21,00		21,00	CLN	Đất Cuốc				
	Nhu cầu chuyển sang đất SKC	SKC	16,50		16,50	CLN	Tân Lập				
	Nhu cầu chuyển sang đất SKC	SKC	18,00		18,00	CLN	Tân Bình				
	Nhu cầu chuyển sang đất SKC	SKC	15,00		15,00	CLN	Tân Mỹ				
	Nhu cầu chuyển sang đất SKC	SKC	3,00		3,00	CLN	Tân Định				
	Nhu cầu chuyển sang đất SKC	SKC	3,50		3,50	CLN	Tân Thành				
d	Nhu cầu chuyển sang đất thương mại - dịch vụ		155,00		155,00		Toàn huyện			KH2021	
	Nhu cầu chuyển sang đất TMD	TMD	30,00		30,00	CLN	Tân Thành				
	Nhu cầu chuyển sang đất TMD	TMD	30,00		30,00	CLN	Tân Bình				
	Nhu cầu chuyển sang đất TMD	TMD	30,00		30,00	CLN	Bình Mỹ				
	Nhu cầu chuyển sang đất TMD	TMD	20,00		20,00	CLN	Tân Định				
	Nhu cầu chuyển sang đất TMD	TMD	10,00		10,00	CLN	Tân Lập				
	Nhu cầu chuyển sang đất TMD	TMD	10,00		10,00	CLN	Đất Cuốc				
	Nhu cầu chuyển sang đất TMD	TMD	10,00		10,00	CLN	Tân Mỹ				
	Nhu cầu chuyển sang đất TMD	TMD	5,00		5,00	CLN	Thường Tân				
	Nhu cầu chuyển sang đất TMD	TMD	5,00		5,00	CLN	Hiếu Liêm				
	Nhu cầu chuyển sang đất TMD	TMD	5,00		5,00	CLN	Lạc An				
e	Đất trồng lúa chuyển sang mục đích khác		77,39		77,39		Toàn huyện			KH2021	

STT	HẠNG MỤC	Mã QH	Diện tích QH (ha)	Diện tích hiện trạng	Tăng thêm		Xã, thị trấn	Vị trí, Số tờ, Số thửa	Nguồn vốn	Thực hiện	Ghi chú, Cơ sở pháp lý
					Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất					
	Đất LUA chuyển sang mục đích khác	CLN	27,72		27,72	LUA	Lạc An				
	Đất LUA chuyển sang mục đích khác	CLN	13,01		13,01	LUA	Tân Mỹ				
	Đất LUA chuyển sang mục đích khác	CLN	36,66		36,66	LUA	Thường Tân				
IV	Các công trình giao đất (đã thu hồi đất)										
IV.1	CT, DA giao đất từ KH2019 trở về trước										
1	Công an xã Tân Định	CAN	0,27		0,27	CLN	Tân Định	Tờ 19, thửa 693	NSH	đã thu hồi đất	
2	Công an xã Tân Mỹ	CAN	0,18		0,18	TSC	Tân Mỹ	1 phần diện tích thửa 625, tờ BĐ 36	NSH	đã thu hồi đất	
3	Công an xã Thường Tân	CAN	0,12		0,12	CLN	Thường Tân	xã Thường Tân	NSH	đã thu hồi đất	
4	Công an xã Lạc An	CAN	0,37		0,37	LUA, CLN	Lạc An	Giáp ĐT 746, Thửa 685, 682, 684, 671, 683, 670, 750, 687, 686, 672, 679, 681, tờ 27	NSH	đã thu hồi đất	
5	Công an xã Đất Cuốc	CAN	0,30		0,30	CLN	Đất Cuốc	1 phần thửa 29 tờ số 1	NSH		
6	Công an xã Tân Lập	CAN	0,23		0,23	CLN	Tân Lập	thửa 169 tờ 10	NSH		
7	Công an thị trấn Tân Thành	CAN	0,40		0,40	CLN	Tân Thành	Thửa 171 tờ 7; Thửa đất số 1pt 61, tờ bản đồ số 12	NSH		
8	Công an xã Tân Bình	CAN	0,19		0,19	CLN	Tân Bình	Thửa 818 tờ 21	NSH		
9	Công an xã Bình Mỹ	CAN	0,16		0,16	CLN	Bình Mỹ	1 phần thửa 70 tờ 41	NSH		
10	KCN Tân Bình	SKK	258,32		258,32	CLN	Tân Bình	Tờ 7, 3, 42	NST	đã thu hồi đất	
11	Xây dựng đường từ ngã 3 Mươi Muộn đến ngã 3 Tân Thành	DGT	1,30		1,30	CLN	Tân Thành, Đất Cuốc	Tờ bản đồ số 12 xã Tân Thành; Tờ bd số 4, 38 xã Đất cuốc		đã thu hồi đất	
12	Nâng cấp mở rộng đường ĐT747a đoạn từ dốc Bà Nghĩa đến ngã ba Cổng Xanh (Hệ thống thoát nước chống ngập úng đoạn từ cầu Bình Cơ đến ngã ba Cổng Xanh)	DGT	0,14		0,14	CLN, LUA, NTS, BHK	Bình Mỹ	Thửa đất số 5, 8, 9, 34, 35, 36, 37, 160; 1 phần thửa 4, 22, 23, 24, 38, 39, 40, 41, 47, 48, 198 tờ 51, 52	Ngân sách tỉnh	đã thu hồi đất	
13	Nâng cấp mở rộng đường ĐT747a đoạn từ dốc Bà Nghĩa đến ngã ba Cổng Xanh	DGT	1,50		1,50	CLN	xã Bình Mỹ, xã Tân Bình	đoạn từ dốc Bà Nghĩa đến ngã ba Cổng Xanh	Ngân sách tỉnh	đã thu hồi đất	
14	Trạm y tế xã Tân Bình	DYT	0,22	0,00	0,22	DGD	Tân Bình	Thửa 70 tờ bản đồ số 20	NSH	đã thu hồi đất	
15	Mầm non Hoa Phong Lan	DGD	0,99		0,99	DGD, CLN	Tân Thành	thửa 57, 58, 208, 1 phần thửa 59 tờ 12; thửa 223, tờ 11	XSKT +NSH	đã thu hồi đất	
16	Trường Tiểu học Tân Định	DGD	1,50		1,50	CLN	Tân Định	Thửa 7, tờ bản đồ số 48	NSH	đã thu hồi đất	
17	Trường THPT Tân Bình	DGD	1,96		1,96	CLN	Tân Bình	1 phần thửa số 14, 15 tờ bản đồ 42	NS	đã thu hồi đất	
18	Chợ Lạc An	DCH	0,20		0,20	DGD+DS H	Lạc An	Thửa 863 tờ 33	NSH	đã thu hồi đất	
19	Trung tâm hành chính huyện	TSC	40,73		40,73	CLN	Tân Thành	Tờ bản đồ số 27, 28	NSH	đã thu hồi đất	
20	Khu dân cư, tái định cư xã Lạc An	ONT	7,96		7,96	CLN	Lạc An	Thửa 168, 169, 137, 1464, 1463, 1864, 1462, 1605, 1606, 1607, 1608, 1610, 1611, 1612, 1609, 1622, 1623, 1620, 1619, 1615, 1876 tờ 10, 25	Ngân sách, 3,47 tỷ	đã thu hồi đất	
21	Khu tái định cư TTHC huyện	ONT	10,00		10,00	CLN	Tân Thành	tờ 27	NSH	đã thu hồi đất	
22	Khu tái định cư Tân Mỹ	ONT	1,48		1,48	CLN	Tân Mỹ	ấp 2	NSH	đã thu hồi đất	
23	Khu tái định cư Thường Tân	ONT	3,00		3,00	CLN	Thường Tân		NSH	đã thu hồi đất	

STT	HẠNG MỤC	Mã QH	Diện tích QH (ha)	Diện tích hiện trạng	Tăng thêm		Xã, thị trấn	Vị trí, Số tờ, Số thửa	Nguồn vốn	Thực hiện	Ghi chú, Cơ sở pháp lý
					Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất					
24	Khu công viên vườn ươm huyện Bắc Tân Uyên	NKH	9,49		9,49	CLN	Tân Thành	Thửa 45, 65, 77 tờ bản đồ số 03, xã Tân Thành	NSH	đã thu hồi đất	
25	Trung tâm văn hóa Tân Thành	DVH	2,60		2,60	CLN	Tân Thành	thửa 400 tờ 12	NSH	đã thu hồi đất	
26	Trường MN Tân Mỹ	DGD	1,62		1,62	DHT	Tân Mỹ	Thửa 624, tờ bản đồ số 36	NSH	đã thu hồi đất	
27	Xây dựng Đài tưởng niệm liệt sỹ huyện Bắc Tân Uyên	DDT	1,51		1,51	CLN	Đất Cuốc	1 phần thửa đất số 66 tờ bản đồ số 37	NSH	KH2018	
28	Khu tái định cư và nhà ở cho công nhân thuộc khu công nghiệp Tân Bình	ONT	36,00		36,00	CLN	Tân Bình	Tờ số 42			
IV.2	CT, DA cần thực hiện giao đất từ kết quả đã thu hồi đất trong KH2020										
1	Đường vào trụ sở mới BCH quân sự huyện	CQP	0,16		0,16	CLN	Tân Thành	1 phần thửa số 19, tờ 31	NSH	KH2017	CV 154/CSPH-KT ngày 27/02/2017 của Công ty cao su Phước Hòa
2	Bồi thường, hỗ trợ mở rộng công an huyện (Khu tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính cho Công an huyện Bắc Tân Uyên)	CAN	1,50		1,50	CLN	Đất Cuốc	Thửa đất số 39, 1 phần thửa số 38 tờ bản đồ số 30	NSH	KH2017	1358/TTr-UBND ngày 14/6/2016 của UBND huyện Bắc Tân Uyên; 4065/UBND-KTN ngày 27/10/2016 của UBND tỉnh; 384/UBND-KTTH ngày 28/2/2018
3	Lữ đoàn 550- Quân đoàn 4	CQP	8,80		8,80	CLN	Hiếu Liêm	Thửa đất số 446, tờ bản đồ số 5		KH2019; bổ sung giữa năm 2019	Văn bản số 378/UBND-KTN ngày 23/01/2019 của UBND tỉnh Bình Dương
4	Bồi thường, hỗ trợ nâng cấp mở rộng tuyến đường Tân Thành 27 đến Trung tâm Sở Chỉ huy	DGT	0,99		0,99	CLN	Tân Thành	1 phần thửa đất số 19, 20, 5, 6, 91, tờ bản đồ số 31, 37	NS (3,915 tỷ đồng)	KH2019	QĐ số 3613/QĐ-UBND ngày 21/12/2018 của UBND huyện BTU; Nghị quyết số 26/NQ-HĐND ngày 31/7/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh
5	Trung tâm VH xã Lạc An	DVH	3,69		3,69	CLN, DGD, DGT (0,92ha)	Lạc An	Thửa 303, 340 tờ 32	NSH (11,6 tỷ đồng)	KH2016	QĐ 2112a/QĐ-UBND ngày 10/8/2016 của UBND huyện BTU; QĐ 3087/QĐ-UBND ngày 30/12/2016; 3792/UBND-KTN ngày 21/10/2016 của UBND tỉnh; VB số 2449/UBND-KTTH ngày 25/9/2018 của UBND huyện Bắc Tân Uyên; Quyết định số 2670/QĐ-UBND ngày 10/10/2018 của Ủy ban nhân dân huyện Bắc Tân Uyên; QĐ số 3613/QĐ-UBND ngày 21/12/2018 của UBND huyện BTU; QĐ số 2780/QĐ-UBND ngày 11/9/2019 của UBND huyện Bắc Tân Uyên về việc phê duyệt chủ trương đầu tư các dự án đầu tư công
6	Trung Tâm VH xã Đất Cuốc	DVH	2,69		2,69	CLN	Đất Cuốc	thửa 55 tờ bản đồ 01	NS (10,2 tỷ đồng)	KH2019	Quyết định số 1545/QĐ-UBND ngày 21/6/2018 của Ủy ban nhân dân huyện Bắc Tân Uyên; QĐ số 2780/QĐ-UBND ngày 11/9/2019 của UBND huyện Bắc Tân Uyên về việc phê duyệt chủ trương đầu tư các dự án đầu tư công
7	Trung Tâm VH xã Tân Định (giai đoạn 1) và phần đất dự trữ xây dựng trường THCS Tân Định	DVH	5,00		5,00	CLN	Tân Định	1 phần thửa đất số 66, tờ bản đồ số 47	NS (16,399 tỷ đồng)	KH2019	QĐ số 3613/QĐ-UBND ngày 21/12/2018 của UBND huyện BTU; Nghị quyết số 26/NQ-HĐND ngày 31/7/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh; QĐ số 2780/QĐ-UBND ngày 11/9/2019 của UBND huyện Bắc Tân Uyên về việc phê duyệt chủ trương đầu tư các dự án đầu tư công

STT	HẠNG MỤC	Mã QH	Diện tích QH (ha)	Diện tích hiện trạng	Tăng thêm		Xã, thị trấn	Vị trí, Số tờ, Số thửa	Nguồn vốn	Thực hiện	Ghi chú, Cơ sở pháp lý
					Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất					
8	Trung Tâm VH xã Tân Lập	DVH	3,00		3,00	CLN	Tân Lập	1 phần thửa 88 tờ bản đồ 16	NS (14,999 tỷ đồng)	KH2020	QĐ số 2780/QĐ-UBND ngày 11/9/2019 của UBND huyện Bắc Tân Uyên về việc phê duyệt chủ trương đầu tư các dự án đầu tư công; Quyết định số 1545/QĐ-UBND ngày 21/6/2018 của Ủy ban nhân dân huyện Bắc Tân Uyên về phê duyệt chủ trương đầu tư các dự án đầu tư công; QĐ số 2576/QĐ-UBND ngày 15/8/2019 của UBND huyện BTU về việc giao chỉ tiêu Kế hoạch điều chỉnh đầu tư công năm 2019 (lần 2)
9	Trung Tâm VH xã Hiếu Liêm	DVH	1,99		1,99	CLN	Hiếu Liêm	Thửa 1136 tờ 50	NS (14,998 tỷ đồng)	KH2020	QĐ số 2780/QĐ-UBND ngày 11/9/2019 của UBND huyện Bắc Tân Uyên về việc phê duyệt chủ trương đầu tư các dự án đầu tư công; Quyết định số 1545/QĐ-UBND ngày 21/6/2018 của Ủy ban nhân dân huyện Bắc Tân Uyên về phê duyệt chủ trương đầu tư các dự án đầu tư công; QĐ số 2576/QĐ-UBND ngày 15/8/2019 của UBND huyện BTU về việc giao chỉ tiêu Kế hoạch điều chỉnh đầu tư công năm 2019 (lần 2)
10	Mở rộng Trường Mầm non Hoa Cúc (xây dựng bổ sung mới 06 phòng học)	DGD	0,15		0,15	CLN	Bình Mỹ	1pt 46, tờ bản đồ 41	NS (7 tỷ đồng)	KH2019	2289/UBND-KTTH ngày 2289/UBND-KTTH của UBND huyện BTU; QĐ số 3613/QĐ-UBND ngày 21/12/2018 của UBND huyện BTU
11	Trường MN Sơn Ca	DGD	1,66		1,66	CLN	Tân Định	1pt 88 tờ 47	NS (65,486 tỷ đồng)	KH2019	VB 1929/UBND-KTTH ngày 29/6/2018; NQ số 35/NQ-HĐND ngày 31/7/2019
12	Dự án xây dựng công trình phục vụ sinh hoạt cộng đồng xã Lạc An	DSH	0,15		0,15	CLN	Lạc An	thửa 50,43, tờ 33	NS (3,512 tỷ đồng)	KH2019	Công văn số 2677/UBND ngày 16/10/2018 của UBND huyện Bắc Tân Uyên; QĐ số 3611/QĐ-UBND ngày 21/12/2018
13	Văn phòng khu phố 4 Tân Thành	DSH	0,12		0,12	CLN	Tân Thành	1 phần thửa 59 tờ 31	NS (1,849 tỷ đồng)	KH2019	VB 4353/UBND-KTN ngày 14/9/2018 của UBND tỉnh; văn bản số 2866/UBND-KTTH ngày 05/11/2018
14	Khu tái định cư huyện Bắc Tân Uyên	ONT	24,90		24,90	CLN	Đất Cuốc	Thửa đất số 31, 32, 33, 34, 35, 36, 44, 45, 46, 47, 48, 49, 50, 51, 52, 53, 54, 55, tờ bản đồ số 30	NSH	KH2017 chuyển tiếp	CV 3500/UBND-KTN ngày 22/9/2016; 3087/QĐ-UBND ngày 30/12/2016 về Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2017
15	Khu di tích lịch sử Chiến khu Đ	DDT	34,07		34,07	CLN	Đất Cuốc				VB số 2877/UBND-VX ngày 29/9/2020 của UBND huyện Bắc Tân Uyên về việc lập thủ tục sở hữu đất đai đối với các di tích đã được xếp hạng, công nhận trên địa bàn huyện